

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC BẢNG	3
DANH MỤC HÌNH	4
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	5
LỜI MỞ ĐẦU	6
Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	7
1.1. Tên chủ cơ sở.....	7
1.2. Tên cơ sở	7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	9
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	9
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	11
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	12
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	12
1.4.1. Nguyên liệu	12
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện	13
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước.....	13
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	14
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	15
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	15
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	15
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	17
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	17
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	17
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	17
3.1.3. Xử lý nước thải.....	18
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	21
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	23
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	25
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	27
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	27

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu	27
3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ	29
3.6.3. Biện pháp chữa cháy thiết bị điện	30
3.6.4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố đối với chất thải nguy hại	31
3.6.5. Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động.....	31
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).....	31
Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	32
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	32
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	33
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	34
4.4. Nội dung cấp phép chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	35
4.5. Nội dung bảo vệ môi trường về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	36
Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	38
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	38
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	38
Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	40
6.1. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	40
6.1.1.Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	40
6.1.2.Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	40
6.1.3.Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở ...	40
6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc hằng năm.....	40
Chương VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	41
Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	42
PHỤ LỤC	44

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Tọa độ vị trí của cơ sở:.....	8
Bảng 2. Hạng mục công trình của cơ sở:.....	9
Bảng 3. Quy mô Petrolimex – Cửa hàng 07:.....	10
Bảng 4. Ước tính các sản phẩm bán trong 1 tháng:.....	12
Bảng 5. Ước tính nhu cầu nguyên liệu sử dụng trong 1 tháng:.....	12
Bảng 6. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở:.....	13
Bảng 7. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 14:2008/BTNMT.....	20
Bảng 8. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 29:2010/BTNMT.....	21
Bảng 9. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	24
Bảng 10. Thành phần và số lượng CTNH:	25
Bảng 11. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt tại	32
Bảng 12. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải	33
Bảng 13. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn	34
Bảng 14. Giới hạn tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ	34
Bảng 15. Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở:	35
Bảng 16. Khối lượng CTRSH phát sinh tại cơ sở:	36
Bảng 17. Kết quả chất lượng nước thải đầu ra	38
Bảng 18. Kết quả chất lượng không khí xung quanh tại cơ sở	38

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Petrolimex – Cửa hàng 07	7
Hình 2. Vị trí Petrolimex – Cửa hàng 07	8
Hình 3. Khu vực bồn chứa ngầm của cơ sở	11
Hình 4. Sơ đồ công nghệ sản xuất của cửa hàng	11
Hình 5. Sơ đồ hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa	17
Hình 6. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở.....	18
Hình 7. Mô hình cấu tạo hầm tự hoại.....	19
Hình 8. Sơ đồ công nghệ Bể tách dầu.....	19
Hình 9. Phòng đặt máy phát điện và ống khói	22
Hình 10. Sơ đồ thu gom Chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở	24
Hình 11. Khu vực lưu chứa CTNH	27
Hình 12. Một số thiết bị PCCC tại Petrolimex – Cửa hàng 07	30

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BOD ₅	: Nhu cầu oxy sinh học;
BTCT	: Bê tông cốt thép;
COD	: Nhu cầu oxy hóa học;
CTNH	: Chất thải nguy hại;
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường;
ND – CP	: Nghị định chính phủ;
NXB	: Nhà xuất bản;
N	: Nitơ;
SS	: Chất rắn lơ lửng;
STT	: Số thứ tự
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam;
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn;
TP	: Thành phố;
TT - BTNMT	: Thông tư Bộ Tài nguyên Môi trường;
P	: Phốt pho;
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy;
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam;
UBND	: Ủy ban Nhân dân;
CHXD	: Cửa hàng xăng dầu.

LỜI MỞ ĐẦU

Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bình Thuận được Phòng Đăng ký Kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số: 3401254649 đăng ký lần đầu, ngày 20 tháng 06 năm 2024 và Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mã số 00007 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2024 cho Địa điểm kinh doanh Petrolimex – Cửa hàng 07. Ngành nghề, lĩnh vực hoạt động kinh doanh bán lẻ xăng dầu.

Do nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp hiện nay, nay Chi nhánh xăng dầu Bình Thuận trực thuộc công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu đã tách chuyển đổi mô hình thành công ty TNHH MTV Xăng dầu Bình Thuận, và đăng ký lại địa điểm kinh doanh mới cho cửa hàng xăng dầu. Vì vậy tên của Cửa hàng xăng dầu số 7 được chuyển lại tên mới phù hợp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp là Địa điểm kinh doanh Petrolimex – Cửa hàng 07.

Địa điểm kinh doanh Petrolimex – Cửa hàng 07 (gọi tắt: Petrolimex – Cửa hàng 07) có tên cũ là Cơ sở kinh doanh xăng dầu nhớt số 7 có địa chỉ tại xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận với vị trí thuận lợi, hoạt động liên tục, ổn định cùng với đội ngũ nhân viên làm việc chuyên nghiệp, có đào tạo bài bản nên Petrolimex – Cửa hàng 07 có lượng khách hàng ổn định. Cơ sở đã đi vào hoạt động từ năm 2007 với tổng quy mô sức chứa là 75 m³ xăng, dầu và đã được UBND tỉnh Bình Thuận – Sở Tài nguyên & Môi trường cấp Phiếu xác nhận Bản đăng ký Đạt tiêu chuẩn môi trường tại Phiếu xác nhận số 01/STNMT - MTg ngày 05/01/2006 cấp cho Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa – Vũng Tàu, Chi nhánh Xăng dầu Bình Thuận. Cơ sở có tổng diện tích là: 2.500m² được xác định tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 521875 ngày 19/03/2019 do Sở Tài Nguyên và Môi trường - UBND tỉnh Bình Thuận cấp. Bên cạnh đó, cơ sở đã được Sở Công thương - UBND tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 110/GCNĐĐK – SCT Cấp lần thứ nhất ngày 01/07/2024. Nay cơ sở xin được cấp giấy phép môi trường theo quy định của Luật môi trường hiện nay.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại mục số II.2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, theo đó Địa điểm kinh doanh Petrolimex – Cửa hàng 07 thuộc đối tượng nhóm III phải thực hiện hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường và thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân Huyện Tuy Phong.

Nhằm tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định hiện hành, đồng thời căn cứ theo khoản 5, Điều 28 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP cấp ngày 10/01/2022, theo Phụ lục số XII quy định về báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường đối với cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với cơ sở nhóm III, Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bình Thuận xin được đăng ký Giấy phép môi trường cho cơ sở “Địa điểm kinh doanh Petrolimex – Cửa hàng 07” tại QL 1A, Thôn Lạc Trị, Xã Phú Lạc, Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận trình UBND huyện Tuy Phong xem xét, phê duyệt.

Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở:

CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÌNH THUẬN

- Địa chỉ văn phòng: Số 13 đường 19/4, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: ông Hoàng Văn Tuyền.

- Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: (0252) 3839888 .

Email: plxbinhthuan@petrolimex.com.vn

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3401254649, do Phòng Đăng ký Kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 20 tháng 06 năm 2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mã số địa điểm kinh doanh: 00007 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2024.

1.2. Tên cơ sở:

PETROLIMEX – CỬA HÀNG 07 (gọi tắt là cơ sở)

- Địa điểm cơ sở: QL 1A, Thôn Lạc Trị, Xã Phú Lạc, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận. Có tự cận như sau:

- + Phía Đông giáp đất trống;
- + Phía Tây giáp đất trống;
- + Phía Nam giáp đường quốc lộ 1A;
- + Phía Bắc giáp đất trống.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh, mua bán xăng dầu. Petrolimex – Cửa hàng 07 thể hiện ở Hình sau:



Hình 1. Petrolimex – Cửa hàng 07

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):

+ Phiếu xác nhận bản đăng ký số 01/ STNMT – MTg Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Thuận – Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 05/01/2006.

- Quy mô của cơ sở:

+ Petrolimex – Cửa hàng 07 được xây dựng trên tổng diện tích đất là 2.500 m².
(Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số CN 521875 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 19/03/2019).

Bảng 1. Tọa độ vị trí của cơ sở:

Số hiệu đỉnh thửa	Tọa độ VN – 2000		Chiều dài (m)
	X	Y	
1	1242117	523894	50.00 50.00 50.00 50.00
2	1242079	523926	
3	1242049	523887	
4	1242092	523851	
1	1242117	523894	



Hình 2. Vị trí Petrolimex – Cửa hàng 07

+ Các hạng mục công trình được xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 126/GPXD do Sở xây dựng trực thuộc UBND Tỉnh Bình Thuận – Sở xây dựng cấp ngày 18/10/2006: Mái che trụ bơm, nhà bán hàng, khu vực bồn chứa.

Bảng 2. Hạng mục công trình của cơ sở:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Kết cấu	Chức năng
Mái che trụ bơm	54	Móng, cột BTCT, nền xi măng, mái lợp tôn	Che nắng, che mưa phục vụ kinh doanh.
Nhà bán hàng	51	Tường gạch, móng, cột BTCT, nền gạch ceramic, mái lợp tôn	Văn phòng làm việc, trưng bày các sản phẩm.
Khu vực bồn chứa	77,70	Thành bồn, đáy bồn BTCT	Chứa nhiên liệu (xăng, dầu).

(Theo Giấy phép xây dựng số 126/GPXD)

+Phân loại tiêu chí quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Cơ sở thuộc danh mục dự án đầu tư **nhóm III** (dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường) quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

+Căn cứ theo khoản 2 điều 39 luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường. Căn cứ theo khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1 Công suất hoạt động của cơ sở:

Petrolimex – Cửa hàng 07 có tổng quy mô công suất là 75 m³ xăng, dầu. Quy mô của cửa hàng thể hiện ở Bảng sau. Gồm:

- 02 Bồn chứa Xăng: 25 m³
- 01 Bồn chứa Dầu DO : 25 m³.
- Số trụ bơm tại cửa hàng: 4 trụ (2 trụ đơn và 2 trụ kép).

- Bên cạnh đó, tại cơ sở cũng bố trí 1 bồn chứa dự phòng với dung tích 25 m³ nhằm phòng ngừa khi có sự cố xảy ra đối với các bồn chứa xăng dầu thì sẽ lưu chứa xăng dầu tại bồn này.

- Khu vực bồn chứa chôn ngầm: 04 bồn với tổng khối tích là 75m³. Hố van chung có nắp đậy với kích thước 0,6m x 0,6m x 0,5m. Bồn thép hình trụ được bảo quản bằng 02 lớp vải sợi thủy tinh chống ăn mòn và chôn ngầm dưới đất bằng hệ neo & dầm chống nổi bồn; các bồn được nối với hệ thống chống tĩnh điện lan truyền; các bể được lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu trong quá trình nhập hàng xuống bể chứa nhằm giảm thiểu hơi xăng dầu thoát ra môi trường và đảm bảo an toàn cháy nổ.

Bảng 3. Quy mô Petrolimex – Cửa hàng 07:

STT	Loại bồn chứa	Số lượng	Dung tích bồn (m ³)
1	Bồn Xăng	2	25
2	Bồn dầu DO	1	25
Tổng cộng			75

(Nguồn: Công ty).

- Hệ thống công nghệ nhập: 03 đường ống nhập kín ø90 bằng thép tráng kẽm được lắp đặt tại hòng nhập từng bể chứa.

- Hệ thống van thở: 03 van thở thông hơi xăng dầu bằng ống thép tráng kẽm ø60 từ bể chứa ngậm ra các van thở.

- Hệ thống thu hồi hơi xăng dầu: 03 đường ống thu hồi hơi xăng dầu bằng thép tráng kẽm ø60 được lắp đặt thiết bị nối kín với ống thu hồi hơi của phương tiện nhập.

- Khu vực nhà mái che cột bơm: Khu vực bán xăng dầu được kết cấu trụ bê tông cốt thép, mái lợp tôn, có chiều dài và chiều cao phù hợp để phương tiện ra vào thuận lợi, nền được kết cấu bằng bê tông chịu lực, hệ thống điện chiếu sáng đồng bộ.

- Số lượng cột bơm: Được lắp đặt 04 cột bơm điện tử, gồm 6 vòi bơm với công suất 40 - 70 lít/phút. Trong đó, 02 vòi bơm dầu Diesel 0,05S - II; 01 vòi bơm dầu Diesel 0,01S - V; 02 vòi bơm xăng Ron 95-III và 01 vòi bơm xăng E5 Ron 92 - II.

- Hệ thống đường ống công nghệ xuất: các đường ống xuất bằng ống thép ø49 được đặt trong hệ thống mương công nghệ bê tông từ các bể chôn ngậm dẫn đến cột bơm. Trong đó có: 02 đường ống xuất xăng Ron 95-III; 02 đường ống xuất dầu Diesel 0,05S-II; 01 đường ống xuất dầu Diesel 0,01S - V và 01 đường ống xuất xăng E5 Ron 92 - II.

- Sân bãi được đổ bê tông.

- Khu vực nhà làm việc: Nhà cấp 4, có diện tích 51 m². Kết cấu xây dựng: Tường xây gạch, trụ bê tông cốt thép, trát vữa xi măng, nền gạch men, cửa nhôm lồng kính, la phòng tôn chịu nhiệt. Hệ thống điện đi ngầm.

- Khu vực phụ trợ như: bố trí 01 kho, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà máy phát điện, 01 kho chất thải nguy hại và cụm bể ngậm chứa xăng dầu.

- Hệ thống xử lý nước thải gồm mương thu gom nước thải dẫn về bể xử lý ba ngăn lắng tách trước khi xả vào hệ thống nước khu vực.

- Hệ thống điện chiếu sáng dây đi trong ống nhựa chống cháy, đi ngầm.

- Xung quanh cơ sở theo hướng Bắc có tường gạch bao bọc cao 2,2m.

- Ngoài ra cửa hàng còn trang bị 01 máy phát điện phục vụ việc bán hàng lúc mất điện lưới cũng như đảm bảo cho hoạt động phòng cháy chữa cháy.

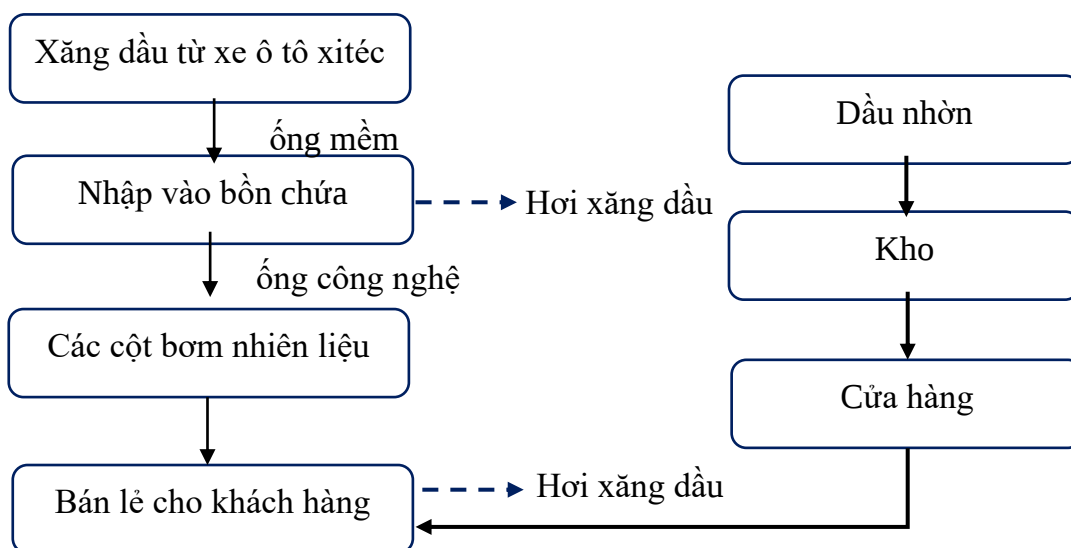


Hình 3. Khu vực bồn chứa ngầm của cơ sở

1.3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Cơ sở được đầu tư xây dựng với mục đích kinh doanh, bán lẻ xăng dầu nhớt các loại với thời gian hoạt động: bắt đầu từ 5h sáng và kết thúc lúc 22h trong ngày để đáp ứng nhu cầu cho người và phương tiện tham gia giao thông.

Công nghệ sản xuất của cơ sở thể hiện quan sơ đồ tổng quát quy trình công nghệ và dây chuyền hoạt động của cửa hàng tại hình sau:



Hình 4. Sơ đồ công nghệ sản xuất của cửa hàng

Thuyết minh công nghệ sản xuất:

- Xăng, dầu từ xe chuyên dụng vận chuyển về cơ sở và được nhập vào bể chứa chôn ngầm bằng hệ thống nhập kín. Hệ thống nhập kín là hệ thống công nghệ bảo đảm quá trình nhập không phát tán hơi xăng dầu tại họng nhập của bể mà chỉ cho một số ít hơi xăng dầu thoát ra tại van thở và vào trực tiếp bồn nhập của xe ô tô. Xăng dầu từ xe ô tô xitéc chảy qua ống mềm liên kết với họng nhập bằng các khớp nối bảo đảm kín tuyệt đối và đi vào bể chứa. Sau đó, xăng dầu từ các bể chứa được xuất bán qua cột bơm điện tử bằng vòi cấp tự ngắt.

- Hệ thống ống công nghệ xuất nhập, được thiết kế bằng ống thép chạy trong rãnh công nghệ và được lắp đặt theo đúng QC 01:2020/BCT. Máy bơm sử dụng là máy bơm ly tâm và có hiển thị bằng số điện tử.

- Các bể đều được lắp đặt van thở trong có thiết bị ngăn tia lửa, lắp đặt hệ thống tiếp đất phòng chống sét đánh thẳng cho van thở và phòng chống tĩnh điện theo quy định của QC 01:2020/BCT.

- Dầu nhờn chứa trong các can/chai lưu trữ tại kho khi có khách hàng yêu cầu thì chở đi tiêu thụ.

- Hàng ngày nhân viên làm việc tại cơ sở kiểm tra khối lượng hàng tồn trong bể, tối thiểu 01 lần/ngày.

1.3.3 Sản phẩm của cơ sở:

Petrolimex – Cửa hàng 07 kinh doanh lĩnh vực bán lẻ nhiên liệu xăng, dầu; các sản phẩm bán ra trong 1 tháng của cơ sở ước tính tại bảng như sau:

Bảng 4. Ước tính các sản phẩm bán trong 1 tháng:

STT	Tên mặt hàng	Số lượng sử dụng trong 1 tháng (m ³)
1	Xăng	100
2	Dầu DO	70
3	Nhớt	0,1
Tổng cộng		170,1

(Nguồn: Công ty).

1.4 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

1.4.1 Nguyên liệu:

Nhu cầu nguyên liệu phục vụ tương ứng với nhu cầu xuất bán cho hoạt động kinh doanh của **Petrolimex – Cửa hàng 07** trong 1 tháng, cụ thể được thống kê tại bảng sau:

Bảng 5. Ước tính nhu cầu nguyên liệu sử dụng trong 1 tháng:

STT	Tên mặt hàng	Số lượng sử dụng trong 1 tháng (m ³)
1	Xăng	100
2	Dầu DO	70
3	Nhớt	0,1
Tổng cộng		170,1

(Nguồn: Công ty).

Nhiên liệu phục vụ cho cơ sở chủ yếu là nước, dầu DO, nhớt dùng để chạy máy phát điện.

- **Dầu DO:** Do máy phát điện dự phòng không hoạt động thường xuyên và chỉ hoạt động khi hệ thống điện lưới cúp. Thực tế cho thấy lượng dầu DO sử dụng khoảng 15 lít/tháng tương ứng với thời gian cúp điện là 1giờ/tháng (1 lít/giờ).

- **Nhớt:** Lượng nhớt sử dụng cho việc chạy máy phát điện dự phòng là 4 lít/năm. Lượng nhớt sử dụng phụ thuộc vào thời gian hoạt động của máy phát điện khi có sự cố cúp điện lưới.

- Cơ sở không sử dụng hóa chất trong quá trình kinh doanh.

1.4.2 Nhu cầu sử dụng điện:

Ước tính lượng điện tiêu thụ trung bình khoảng 2.500 kW/tháng. Cơ sở sử dụng điện từ mạng lưới điện quốc gia. Nguồn điện đấu nối với tuyến hạ thế 22kV hiện hữu. Cơ sở cũng trang bị một máy phát điện công suất 13 kW phòng ngừa trường hợp bị mất điện.

1.4.3 Nhu cầu sử dụng nước:

- Nguồn cung cấp nước cho Cơ sở được sử dụng từ nguồn nước cấp của địa phương do Ban quản lý Công trình công cộng huyện Tuy Phong cung cấp.

- Nhu cầu sử dụng nước của cửa hàng trong ngày được tính toán tại Bảng 4 như sau:

Bảng 6. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở:

STT	Hoạt động sử dụng nước	Quy mô	Nhu cầu sử dụng nước tiêu chuẩn	Nhu cầu sử dụng
1. Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt (Q_{sh})				
1.1	Sinh hoạt của nhân viên	5 người	100 lít/người/ngày (Tiêu chuẩn dùng nước cho nhân viên làm việc công cộng TCVN 4513-1988 (lít/người/ca))	0,5 m ³ /ngày đêm
1.2	Khách hàng vắng lai	50 người	2 lít/người	0,1 m ³ /ngày đêm
2. Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích tưới cây				
2.1	Tưới cây, tưới đường nội bộ	-	-	0,2 m ³ /ngày đêm
3. Nhu cầu sử dụng nước không thường xuyên				

STT	Hoạt động sử dụng nước	Quy mô	Nhu cầu sử dụng nước tiêu chuẩn	Nhu cầu sử dụng
3.1	PCCC	2 đám cháy, 90 phút	5 lít/s (Thông tư số 02:2021/TT-BXD – ban hành QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình)	54 m ³
3.2	Hoạt động kinh doanh xăng dầu (vệ sinh, súc rửa bộ lọc của hệ thống bơm xăng dầu định kỳ, vệ sinh nền đường khi xảy ra sự cố tràn dầu)	-	-	1 m ³
Tổng cộng				55,8 m³

- Tổng lượng nước lớn nhất cần cung cấp cho Cơ sở ước tính là 55,8 m³.

- Lưu lượng xả thải lớn nhất tại cơ sở bao gồm:

+ Nước thải sinh hoạt: 0,6 m³/ngày.

+ Nước thải trong quá trình hoạt động kinh doanh xăng dầu (gồm nước súc rửa bộ lọc của hệ thống bơm xăng dầu định kỳ và vệ sinh nền đường khi xảy ra sự cố tràn dầu) khoảng 1 m³/ngày.

- Ngoài ra, khi sự cố tràn dầu xảy ra, có thể phát sinh một lượng nước mưa có lẫn dầu, ước tính khoảng 1 m³/ngày.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

- Giấy phép xây dựng số 126/GPXD do Sở xây dựng trực thuộc UBND Tỉnh Bình Thuận – Sở xây dựng cấp ngày 18/10/2006.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 521875 do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Thuận cấp ngày 19/03/2019.

- Giấy chứng nhận Cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 110/GCNĐĐK – SCT do Sở công thương trực thuộc UBND tỉnh Bình Thuận cấp lần thứ nhất, ngày 01/07/2024.

- Giấy chứng nhận số 80/ĐK – PCCC đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy do Bộ công an – CA Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 01/06/2007.

Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

- Hiện nay, Theo quyết định đã được ban hành số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ năm 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bên cạnh đó, tỉnh Bình Thuận đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tại Quyết định số 1701/QĐ-TTg, ngày 07/12/2023. Cơ sở phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

- Theo Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 20/03/2012 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt đề án “Quy hoạch phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến năm 2020, xét đến 2025”, Petrolimex – Cửa hàng 07 phù hợp với quan điểm phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu phải đảm bảo phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh; phù hợp với kết cấu hạ tầng và gắn kết với các quy hoạch khác có liên quan và phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu đúng định hướng, đảm bảo các điều kiện về kinh doanh xăng dầu theo quy định của pháp luật.

- Vị trí kinh doanh của cơ sở là đất thương mại dịch vụ phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của địa phương. Đồng thời cơ sở đã được UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số: 3957/QĐ-CTUBBT ngày 13/9/2004 về việc thu hồi và cho thuê đất để thực hiện dự án.

- Cơ sở hoạt động sẽ giải quyết công ăn việc làm cho lao động tại địa phương và vùng lân cận, nâng cao chất lượng cuộc sống cho lao động và người dân ở địa phương. Đồng thời, mang lại nguồn lợi kinh tế cho địa phương cũng như tỉnh nhà và đáp ứng được kịp thời việc tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho các phương tiện giao thông đi lại và đặc biệt tác động tích cực đến phục vụ sản xuất Công – Nông – Lâm nghiệp tại các khu vực lân cận.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

➤ Đối với nước thải:

Theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 về việc phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Thuận và Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc bổ sung điều khoản chuyển tiếp của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận thì nước không dùng cho mục đích sinh hoạt nên chất lượng nước thải của các cơ sở khi thải thoát ra cống theo yêu cầu phải xử lý đạt cột B của quy chuẩn theo quy định. Quá trình hoạt động của Cơ sở có phát sinh nước sinh hoạt và nước thải nhiễm dầu khi có sự cố tràn dầu xảy ra với lưu lượng nước thải phát sinh vào thời điểm cao nhất khoảng 2,6 m³/ngày, tương ứng với 0,00003 m³/s là rất nhỏ.

Để hạn chế mức độ ô nhiễm trên đường quốc lộ 1A, nước thải từ nhà vệ sinh sẽ thu gom về hầm tự hoại xử lý sơ bộ sau đó sẽ tự thấm và nước thải nhiễm dầu sẽ được thu gom tại muông môi trường và xử lý sơ bộ tại bể tách dầu, sau đó đó sẽ cho tự thấm. Nước thải nhiễm dầu sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT cột B - Quy chuẩn quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu và nước thải sinh hoạt sẽ đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT cột B – Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt. Tuy nhiên, sự cố tràn dầu rất hiếm khi xảy ra nên không ảnh hưởng đến môi trường.

➤ **Đối với chất thải rắn:**

Đối với chất thải sinh hoạt không tái sử dụng, chủ cơ sở ký hợp đồng UBND huyện Tuy Phong về việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Đơn vị thu gom là Ban quản lý Công trình công cộng của UBND huyện Tuy Phong hàng ngày đến thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định.

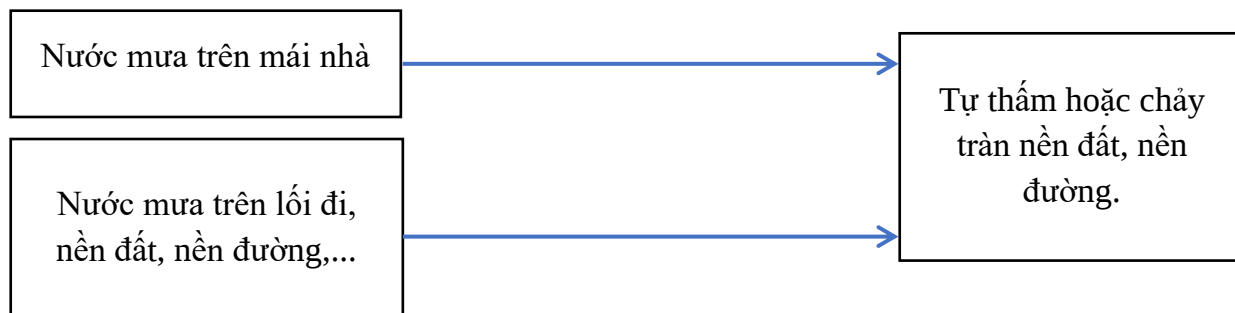
Riêng đối với chất thải nguy hại, cơ sở phân loại riêng biệt so với chất thải sinh hoạt và được lưu trữ trong kho chứa chất thải nguy hại có mái che mưa, nền bê tông, chống thấm. Định kỳ hàng năm, công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý đúng quy định. Do đó, hoạt động của cơ sở tại vị trí đường quốc lộ 1A không ảnh hưởng và phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1 Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1 Thu gom, thoát nước mưa:

Cơ sở có độ dốc về phía trên đường quốc lộ 1A. Do đó, nước mưa trên các mái nhà và nước mưa chảy tràn tại khu vực cơ sở theo độ dốc thiết kế sẽ tự thấm xuống đất, phần còn lại không thấm sẽ chảy tràn trên nền đường thoát ra ngoài hướng phía đường quốc lộ 1A. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của cơ sở thể hiện tại hình sau.



Hình 5. Sơ đồ hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa

Ngoài biện pháp thu gom nước mưa nêu trên, cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp khác nhằm hạn chế ô nhiễm nguồn nước do nước mưa chảy tràn, cụ thể như sau:

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh sân bãi luôn luôn sạch sẽ nhằm tránh tạp chất cuốn theo nước mưa.

- Nguyên vật liệu được bố trí tại khu vực có mái che.

- Trường hợp xăng dầu rơi vãi tại khu vực các trụ bơm, nhằm không để nước mưa cuốn trôi thì chủ cơ sở sẽ bố trí nhân viên sử dụng vật liệu cát hoặc vải để thấm xăng dầu rơi vãi nêu trên.

3.1.2 Thu gom, thoát nước thải:

➤ Công trình thu gom nước thải:

- Nước thải của cơ sở phát sinh chủ yếu từ các khu vệ sinh công cộng và nước thải nhiễm dầu khi sự cố tràn dầu xảy ra.

- + Nước thải từ khu vệ sinh được thu gom theo đường ống uPVC D114 về hầm tự hoại. Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ qua Hầm tự hoại sẽ cho tự thấm.

- + Nước thải nhiễm dầu theo mương môi trường được thu gom về bể tách dầu sẽ cho tự thấm.

- Các thông số thiết kế cơ bản của hệ thống thể hiện sau đây:

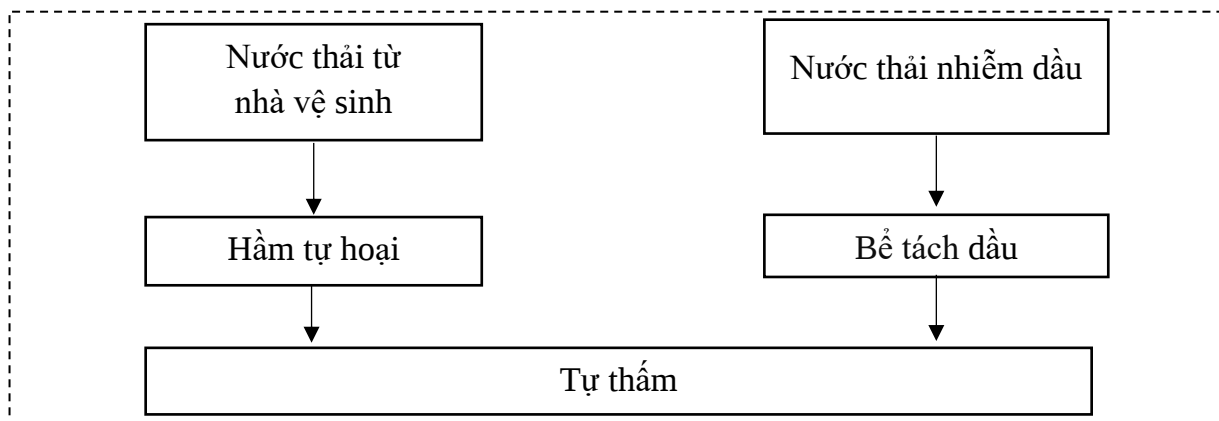
- + Mương môi trường : Dài x Rộng x Cao = 09 x 0,3 x 0,4 (m)

➤ Công trình thoát nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại hầm tự hoại sẽ cho tự thấm và Nước thải nhiễm dầu sau khi được tách dầu sau đó đó sẽ cho tự thấm.

➤ Điểm xả nước thải sau xử lý:

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ tại hầm tự hoại sẽ cho tự thấm và nước thải nhiễm dầu sau xử lý sẽ cho thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Sơ đồ thu gom và thoát nước thể hiện hình sau.



Hình 6. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở

3.1.3 Xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động của nhân viên và khách đến đồ xăng, tuy nhiên phát sinh rất ít, chỉ khoảng 0,6 m³/ngày, do đó, lượng nước thải này sẽ được xử lý bằng công trình xử lý tại chỗ là Hầm tự hoại.

Nước thải nhiễm dầu trong trường hợp gặp sự cố tràn dầu sẽ được thu gom và xử lý tại Bể tách dầu, tuy nhiên trường hợp bị sự cố tràn dầu là rất hiếm xảy ra.

❖ Hầm tự hoại:

Cơ sở đã xây dựng Hầm tự hoại với kích thước: $D \times R \times C = 3,5 \times 1,8 \times 2,0$ (m).

Nước thải từ nhà vệ sinh sẽ được dẫn về hầm tự hoại.

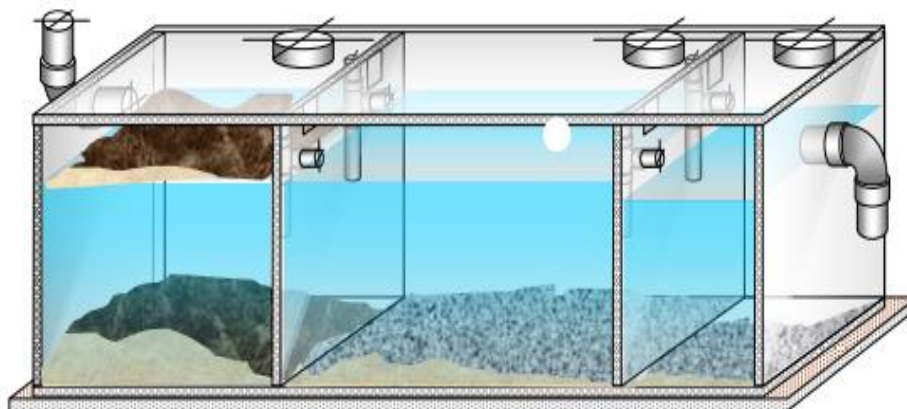
Bể tự hoại 3 ngăn được cấu tạo gồm 3 ngăn chính trong đó ngăn chứa và lên men cặn chiếm $\frac{1}{2}$ thể tích bể, ngăn lắng và ngăn lọc mỗi ngăn chiếm $\frac{1}{4}$ thể tích bể. Bể được xây dựng bằng gạch đặc, trát thành bể bằng vữa bê tông.

Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng. Hiệu quả xử lý theo chất lơ lửng đạt 65 – 70% và theo BOD₅ là 60 – 65%.

Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Thời gian lưu nước trong bể khoảng 20 ngày thì 95% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 6-8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân hủy yếm khí khi đầy bể, khoảng 1 năm sử dụng, cặn này được hút ra theo hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý. Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước.

Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại, nồng độ chất ô nhiễm đã được giảm bớt, sau đó, cho tự thấm.



Hình 7. Mô hình cấu tạo hầm tự hoại

❖ **Bể tách dầu:**

Toàn bộ nước thải có lẫn dầu của cơ sở theo rãnh môi trường được dẫn về hố gạn dầu để xử lý loại bỏ hoàn toàn lượng dầu lẫn trong nước, sau đó nước sau xử lý sẽ cho thoát ra tuyến thoát nước chung của khu vực.

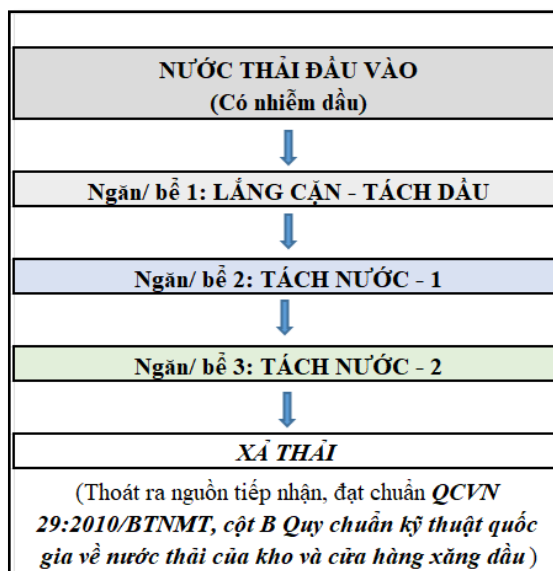
Cơ sở xây dựng 1 bể tách dầu với kích thước: $D \times R \times C = 2,0 \times 1,5 \times 0,8$ (m).

+ Bể 1: $D \times R \times C = 5,0 \times 1,5 \times 0,8$ (m).

+ Bể 2: $D \times R \times C = 0,5 \times 1,5 \times 0,8$ (m).

+ Bể 3: $D \times R \times C = 1,0 \times 1,5 \times 0,8$ (m).

Quy trình xử lý nước thải nhiễm dầu của bể tách dầu được thể hiện sau đây:



Hình 8. Sơ đồ công nghệ Bể tách dầu

Kết cấu của Bể Tách dầu: Có 3 ngăn thông nhau, mỗi ngăn đều có một lớp nước để dầu nổi trên bề mặt.

- Bể 1: Lắng cặn.

- Bể 2: Tách dầu và tiếp tục lắng cặn.

- Bể 3: Nước sạch sau khi tách xăng dầu sau đó sẽ cho thoát ra tuyến cống chung của khu vực.

Cặn được lấy bằng phương pháp thủ công định kỳ. Dầu được vớt lên định kỳ: Sử dụng các vật liệu như bông vải, cát để thấm hút lượng dầu nổi trên bề mặt.

Đối với váng dầu thu gom từ ngăn lắng của bể tách dầu và các vật liệu nhiễm dầu, cơ sở tiến hành thu gom và lưu chứa trong thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 120 lít được bố trí tại kho chứa CTNH có diện tích khoảng 6m², thực hiện quản lý theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Các ngăn được chủ đầu tư xây dựng đúng quy cách: trám đáy và được đúc bê tông kiên cố. Quy mô hoạt động của cửa hàng tương đối nhỏ lượng nước thải phát sinh không thường xuyên và đều đặn nên việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải như trên là hoàn toàn phù hợp với thực tế, ít ảnh hưởng đến môi trường.

Nước sau khi được xử lý sẽ đạt chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT, cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu và QCVN 14 :2008/BTNMT, cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn nước thải sau xử lý:

Nước thải sau xử lý tại hầm tự hoại đạt: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, chi tiết được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 7. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 14:2008/BTNMT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B
01	pH	-	5 - 9
02	BOD ₅	mg/l	50
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
04	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/l	1000
05	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4
06	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
07	Nitrat NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/l	50
08	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
09	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

(Nguồn: QCVN 14:2008/BTNMT)

Nước thải sau xử lý tại bể rách dầu đạt: QCVN 29:2010/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, chi tiết được thể hiện tại Bảng sau:

Bảng 8. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 29:2010/BTNMT

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe
01	pH	-	5,5 – 9
02	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	150
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
04	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

(Nguồn: QCVN 29:2010/BTNMT)

3.2 Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Petrolimex – Cửa hàng 07 không có các công trình xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, cơ sở đã áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu bụi, khí thải tại cơ sở như sau:

Giảm thiểu ô nhiễm không khí từ hoạt động giao thông trong khu vực:

- Toàn bộ khuôn viên cơ sở đã được bê tông hóa. Ngoài ra, cơ sở cũng đã trồng một số cây xanh nhằm hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO₂, CO₂, hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,...

- Thường xuyên vệ sinh, tưới đường để ngăn ngừa bụi phát tán khi các phương tiện giao thông đi qua.

- Quy định tốc độ khoảng 5km/h khi các xe lưu thông trong khuôn viên Cơ sở.

Giảm thiểu khói bụi do hoạt động của máy phát điện dự phòng:

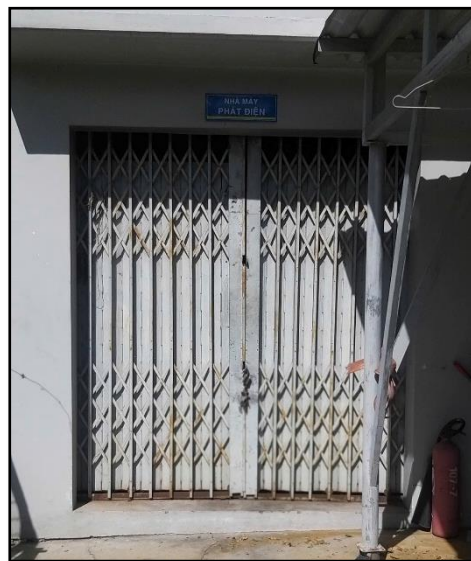
Để phòng trường hợp sự cố mất điện xảy ra làm ảnh hưởng đến các hoạt động của cơ sở, cơ sở đã trang bị 1 máy phát điện dự phòng công suất 13kW.

Máy phát điện dự phòng của cơ sở chỉ được vận hành khi có sự cố mất điện lưới. Do đó, nguồn ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ mang tính gián đoạn, không thường xuyên, mức độ tác động đến môi trường không cao. Tuy nhiên, để giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng, cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Cơ sở đã lắp đặt ống khói có kích thước 60mm cho máy phát điện, chiều cao khoảng 1,0 m tính từ mặt đất so với miệng ống khói.

- Máy phát điện được đặt trong phòng kín (diện tích $15m^2$) tại vị trí hợp lý, cách xa khu vực làm việc, hạn chế tối đa tiếng ồn khi máy phát điện hoạt động.
- Thường xuyên kiểm tra định kỳ, bảo trì, bảo dưỡng để phát hiện và giải quyết kịp thời sự cố.



Hình 9. Phòng đặt máy phát điện và ống khói

Đối với khí thải phát sinh từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và nơi tập kết rác:

- Nước thải phát sinh tại cơ sở với lưu lượng nhỏ và chủ yếu tại nhà vệ sinh được thu gom và xử lý qua hầm tự hoại, tuyến ống thu gom được xây âm dưới đất nên không phát sinh mùi hay khí thải làm ảnh hưởng đến môi trường.
- Rác sẽ được chứa trong các thùng chứa rác có nắp đậy, tránh cho ruồi muỗi phát triển và mùi hôi thoát ra gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh. Cuối ngày được nhân viên tập kết và được đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý bằng xe chuyên dụng tại bãi xử lý chung theo quy định của địa phương.
- Bố trí nhân viên quét dọn, vệ sinh khu vực làm việc và khu vực tập kết rác hằng ngày, tránh để rác rơi vãi gây mùi hôi và mất mỹ quan cơ sở.

Đối với hơi xăng phát sinh trong quá trình nhập – xuất xăng dầu và khu vực bể chứa xăng dầu:

❖ Đối với khâu xuất nhập xăng dầu:

- Quá trình nhập và xuất xăng dầu luôn ở trạng thái nhúng chìm vòi xuất nhập, đầu vào của bơm phải luôn nằm ở dưới bề mặt chất lỏng.
- Trong quá trình nhập vào xăng dầu từ các xitec, rút ngắn thời gian nhập. Số lần bơm chuyển trong nội bộ cửa hàng giảm đến mức tối thiểu.
- Hạn chế tối đa việc súc rửa bể chứa khi thay đổi loại sản phẩm chứa trong bồn. Để thực hiện điều này, có kế hoạch nhập dầu một cách hợp lý, tránh nhập dồn cùng một lúc gây tình trạng thiếu bể chứa.

❖ Đối với hệ thống bể chứa và đường ống:

Để làm giảm sự bay hơi của xăng dầu, đối với hệ thống bể chứa cùng với hệ thống đường ống nhập dầu, tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Bể chứa luôn ở tình trạng kín, các thiết bị ở tình trạng hoạt động tốt; Tồn chứa các sản phẩm xăng dầu theo đúng khả năng chứa đầy của bể.

- Các van trong hệ thống công nghệ, các thiết bị bơm rút nhiên liệu sẽ sử dụng đúng chủng loại và đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu.

- Các bể chứa xăng dầu được lắp các van thở có thông số kỹ thuật phù hợp với công suất bơm chuyển để hạn chế tối đa lượng xăng dầu bay hơi vào không khí.

- Hệ thống van, đường ống luôn ở trạng thái kín.

- Áp dụng biện pháp kỹ thuật để kiểm soát, chống nóng cho các bồn chứa.

- Để giảm hiện tượng rò rỉ, cơ sở áp dụng các biện pháp sau:

- + Chống ăn mòn cho các công trình: đường ống công nghệ trong khu vực tại bể chứa; đường ống ngầm nhập, xuất nhiên liệu.

- + Kiểm tra thường xuyên hệ thống bồn chứa, hệ thống đường ống, mặt bích, các khớp nối, hệ thống các van, các mối hàn nhằm phát hiện và sửa chữa kịp thời những chỗ rò rỉ hoặc hư hỏng.

- + Khi phát hiện thấy các biểu hiện đối với bể chứa thì ngưng ngay việc nhập thêm dầu mới, xuất hết dầu cũ hoặc chuyển qua bể khác càng nhanh càng tốt để tu sửa lại.

- + Nhanh chóng khắc phục sự cố rò rỉ từ các lỗ nhỏ trên đường ống bằng cách lót đệm và đánh đai lại để chờ thay thế đoạn ống mới.

- + Đai ốc sẽ giữ chặt các tấm lót cao su, bo kín toàn bộ mối liên kết mặt bích, ngăn chặn hoàn toàn rò rỉ.

- + Khi phát hiện rò rỉ ở các đáy bể chứa đầy sản phẩm thì phải lập tức tháo hết sản phẩm xăng dầu ra bể để sửa chữa.

- + Trường hợp có sự cố tại các van dầu hoặc van chặn thì phải ngừng bơm để xử lý ngay lập tức.

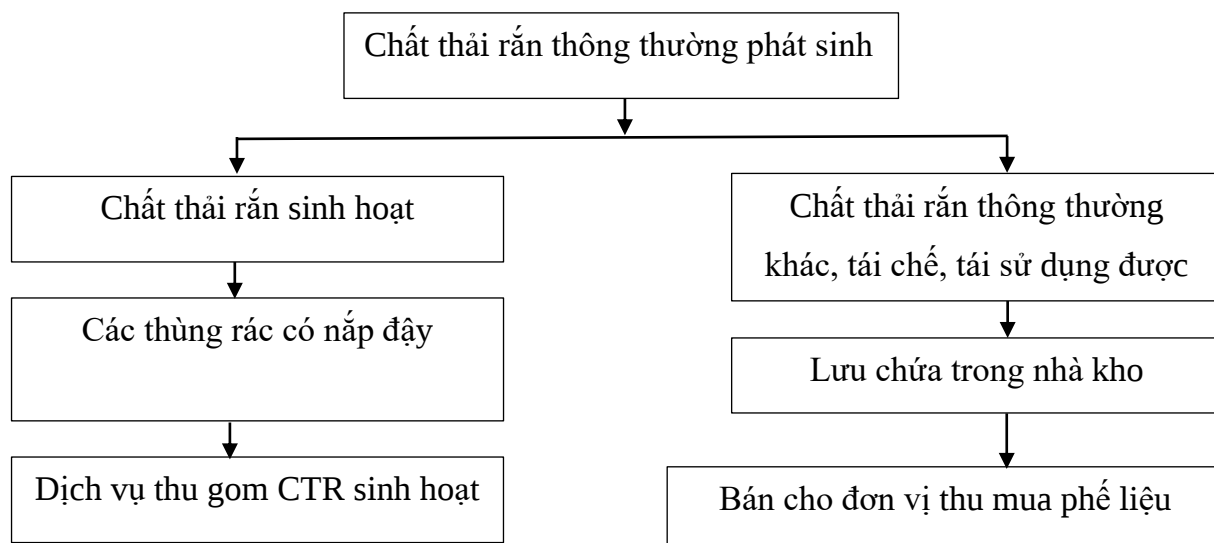
- + Đảm bảo thông tin chặt chẽ giữa các bộ phận và các nhân viên trong quá trình nhập xăng dầu vào bồn chứa. Phải thông báo kịp thời khi thấy hiện tượng tăng áp suất bất thường để có thể dừng bơm kịp thời trước khi xảy ra sự cố vỡ đường ống, hiện tượng giảm áp suất bất thường để kiểm tra phát hiện rò rỉ.

- + Hướng dẫn nhân viên cách vận hành các trạm bơm, đảm bảo ít rò rỉ, an toàn và hiệu quả.

- Cải tiến, đầu tư mới trong quá trình hoạt động, đầu tư chiều sâu hệ thống đường ống chính dẫn dầu, hiện đại công nghệ xuất nhập xăng dầu. Đây là một biện pháp cơ bản vì cho hiệu quả cao nhất trong loại trừ, giảm thiểu được các chất độc hại thải ra môi trường bên ngoài.

3.3 Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Toàn bộ rác thải sinh hoạt, rác thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đều được thu gom, tập trung tại kho chứa. Đơn vị thực hiện phân loại, lưu giữ khi có phát sinh các loại chất thải rắn theo quy định tại Luật BVMT năm 2020. Cụ thể quy trình thu gom đối với từng loại như sau:



Hình 10. Sơ đồ thu gom Chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở

- Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

+ Nguồn phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động hằng ngày của nhân viên làm việc trong cơ sở. Thành phần chính chủ yếu gồm vỏ trái cây, thức ăn dư thừa, bao bì, túi nilon, giấy, vỏ hộp,...

+ Khối lượng phát sinh: Hoạt động sinh hoạt của 05 nhân viên làm việc trong tại cơ sở phát sinh một lượng chất thải rắn sinh hoạt ước tính khoảng 1,0 kg/người/ngày. Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh 01 ngày của Cơ sở là 05 kg/ngày.

Bảng 9. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	CTRSH	Khối lượng (kg/ngày)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH
1	Thức ăn thừa	2,0	BQL công trình công cộng huyện Tuy Phong.
2	- Chai nhựa, túi ni lông, chai nước uống. - Giấy	1,5	Cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương
3	Các loại bao bì bánh kẹo, giẻ lau, áo quần cũ, các vật dụng sinh hoạt hư cũ thải bỏ, vỏ trái cây, vỏ rau củ...	1,5	BQL công trình công cộng huyện Tuy Phong.
Tổng số lượng		5,0	

- Biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở chủ yếu là thức ăn thừa, chai, lọ, bao nylon, bao bì,...

+ Để hạn chế chất thải sinh hoạt phát sinh và đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực cơ sở, Cửa hàng sẽ tiến hành thực hiện các biện pháp sau:

- Yêu cầu nhân viên và khách đến đồ xăng bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt bừa bãi.
- Cơ sở có bố trí thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 120 lít trong khuôn viên cửa hàng.
- Cuối mỗi ngày làm việc, nhân viên cửa hàng sẽ tập kết tất cả rác thải sinh hoạt gần đường quốc lộ 1A.
- Công ty sẽ tiếp tục hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương là BQL công trình công cộng Tuy Phong đến thu gom hàng ngày và xử lý đúng quy định.
- Đối với rác thải được phân loại là lon bia, nước ngọt, bao bì giấy được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.
- Để tránh tình trạng chất thải rắn tràn lan hay bị phân huỷ bởi các thành phần trong môi trường, toàn bộ lượng chất thải phát sinh trong cơ sở được gom 1 ngày/lần. Đồng thời bố trí nhân viên dọn dẹp, thu gom rác thừa rơi vãi sau khi thu gom và vệ sinh khu vực tập kết rác tránh gây ra mùi hôi, gây mất mỹ quan của cửa hàng.

3.4 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Cơ sở không có công trình xử lý chất thải nguy hại.

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở ước tính khối lượng khoảng 42,4 kg/năm, bao gồm:

Bảng 10. Thành phần và số lượng CTNH:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
1	Hộp mực in thải chứa các thành phần nguy hại	Rắn	5	08 02 04	Thu gom, phân loại lưu chứa và hợp đồng xử lý theo quy định	Hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển và
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	7	16 01 06		

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
3	Sơn, chất kết dính chứa các thành phần nguy hại thải	Rắn/ lỏng	0,2	16 01 09		xử lý
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	11	17 02 03		
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	17	18 02 01		
6	Pin thải, ắc quy chì thải	Rắn	2,2	19 06 01		
Tổng số lượng			42,4			

- Chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom và phân loại chứa vào thùng nhựa 120l có nắp đậy, đối với chất thải nguy hại dạng lỏng được chứa trong thùng có nắp đậy kín, chặt. Thùng chứa có dán nhãn phân biệt và mã số phân loại chất thải nguy hại, lưu chứa ở khu vực chứa rác nguy hại riêng của cơ sở.

- Kho lưu trữ chất thải nguy hại: được xây dựng với diện tích khoảng 6 m² ($D \times R \times C = 3\text{ m} \times 2\text{ m} \times 4\text{ m}$). Kho lưu chứa được bố trí sao cho nguy cơ cháy hay đổ tràn là thấp nhất và phải bảo đảm tách riêng các chất không tương thích như đã quy định trong Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường. Kho được xây kín, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải; khu vực được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở đem đi xử lý theo đúng quy định và duy trì với tần suất 2 lần/năm.



Hình 11. Khu vực lưu chứa CTNH

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn và độ rung từ máy phát điện dự phòng:

Vấn đề đáng quan tâm nhất khi sử dụng máy phát điện dự phòng là tiếng ồn phát ra khi vận hành máy. Vì đây là cơ sở kinh doanh cho nên vấn đề hạn chế tối đa tiếng ồn lớn gây ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh là điều quan trọng nhất. Để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung từ máy phát điện dự phòng, cơ sở đã áp dụng các biện pháp để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung như sau:

- Máy phát điện dự phòng được bố trí tại vị trí phù hợp, cách xa khu vực làm việc, có cửa đóng kín, hạn chế tối đa ảnh hưởng đối với các khu vực xung quanh.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy phát điện để giảm rung.
- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện thường xuyên nhằm phát hiện kịp thời các sự cố gây ra ồn, rung lớn.

Tiếng ồn phát sinh tại các khu vực khác trong cơ sở:

Tiếng ồn phát sinh từ sinh hoạt hằng ngày của nhân viên, khách đến đổ xăng và các phương tiện lưu thông trên đường quốc lộ 1A, tuy nhiên, loại ô nhiễm này khó kiểm soát và thường thì không gây ảnh hưởng và tác động xấu đến môi trường nên được xem là không đáng kể. Biện pháp chống ồn thường được áp dụng là trồng cây xung quanh khu vực và có khoảng cách ly an toàn đối với nguồn gây ồn.

Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn và độ rung của cơ sở được áp dụng theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn hạn chế tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Công ty có các phương án thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại cơ sở như sau:

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu:

Nhân viên kỹ thuật tại cửa hàng sẽ kiểm tra hệ thống đường ống công nghệ định kỳ 1 tuần/ 1 lần để đảm bảo hệ thống hoạt động bình thường và kịp thời khắc phục khi phát hiện có sự cố xảy ra.

Hằng năm, cơ sở sẽ tiến hành lên kế hoạch diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu bằng cách xây dựng các tình huống sự cố cho toàn bộ cán bộ, nhân viên để có thể phản ứng kịp thời khi có sự cố xảy ra. Ngoài ra, công ty còn bố trí các nhân viên tham gia lớp tập huấn đào tạo nghiệp vụ về bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy.

Khi xảy ra sự cố, tất cả các hoạt động (đặc biệt là hoạt động nhập xuất xăng dầu) phải được dừng ngay lập tức cho đến khi sự cố được xử lý hoàn toàn.

Người phát hiện sự cố tràn dầu lập tức hô hoán, thổi còi báo động và nhanh chóng thông báo khẩn cấp cho cửa hàng Trưởng biết; đồng thời thông tin ngay cho các thành viên trong đội ứng cứu có mặt tại cửa hàng để triển khai tổ chức ứng cứu theo kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu đã xây dựng.

Tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn ra khỏi vùng nguy hiểm (nếu có). Đồng thời báo động cho các phương tiện trong khu vực và lân cận rời xa khu vực sự cố để đảm bảo an toàn; có tín hiệu báo động như còi, gõ keng, loa. Nghiêm cấm sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị dụng cụ phát sinh tia lửa gây cháy.

Các bước thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu:

Bước 1: Thông báo, báo động:

- Thông báo nội bộ: Bất cứ cá nhân nào khi phát hiện sự cố đều phải thông báo kịp thời đến ban lãnh đạo, cửa hàng trưởng và các nhân viên trong cửa hàng.

- Thông báo đến các cơ quan quản lý có liên quan: Khi sự cố vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở, thì cửa hàng trưởng phải nhờ sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý có liên quan như: Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong, Công an huyện Tuy Phong, Phòng cảnh sát PCCC Công an tỉnh (trường hợp cháy, nổ, cứu nạn), Ban chỉ huy Phòng chống Thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Công thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Bệnh viện đa khoa Huyện Tuy Phong,...

- Thông báo đến các khu vực lân cận: Dùng loa thông báo đến các khu vực lân cận để các đối tượng xung quanh và lân cận chủ động phòng ngừa, ứng phó sự cố. Như thế người dân sẽ có thời gian để sơ tán người già và trẻ em ra khỏi khu vực có khả năng dầu tràn đi qua.

- Ngoài việc kêu gọi hỗ trợ từ các cơ quan, Công ty phải kêu gọi hỗ trợ từ các đơn vị của các cửa hàng xăng dầu lân cận bên ngoài.

Bước 2: Xử lý sự cố

- Đội trưởng đội ứng phó tràn dầu cơ sở lập tức huy động lực lượng có mặt tại hiện trường thực hiện mọi khả năng hiện có để chặn đứng nguồn gây dầu tràn bằng các thiết bị, công cụ ứng phó sự cố tràn dầu như gối thấm dầu, tấm thấm dầu để thấm hút dầu tràn, dùng xô xẻng, phuy, giẻ lau và cát để quây, vớt dầu (nếu có).

- Sử dụng các bình chữa cháy phun trực tiếp vào gốc đám cháy để dập tắt đám cháy (trường hợp xảy ra cháy). Nếu nhờ sự hỗ trợ của lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp, phải nhanh chóng báo cáo tình hình và tuân theo sự phân công, điều động của lực lượng này.

Bước 3: Dọn dẹp sự cố

Các chất thấm dầu và dầu bẩn được thu gom, lưu trữ tại các phuy chứa chất thải nguy hại được bố trí tại khu vực dành riêng có mái che tránh nắng mưa chiếu trực tiếp. Thùng phuy chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo không bị rò rỉ, không bị tràn hoặc gây ô nhiễm ra môi trường đất và nước ngầm. Sau đó cơ sở hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện hành nghề vận chuyển, xử lý tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định.

Bước 4: Báo cáo sự cố

- Sau khi ngăn chặn được nguồn dầu tràn và làm sạch hiện trường thì chỉ huy hiện trường có nhiệm vụ báo cáo đến các bên có liên quan – khi đó hoạt động của các phương tiện bơm xuất tại cửa hàng mới được phép tiếp tục hoạt động.

Bước 5: Bồi thường thiệt hại

- Ban chỉ huy ứng phó phân công chỉ huy hiện trường và cửa hàng trưởng phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức công tác tiến hành, công tác đánh giá mức độ ảnh hưởng đến môi trường do sự cố gây ra, điều tra thống kê các thiệt hại kinh tế và công tác xử lý làm sạch môi trường sau sự cố; Giải quyết khiếu nại liên quan đến công tác đền bù thiệt hại (nếu có): Kinh phí giải quyết bồi thường thiệt hại sẽ do cơ quan bảo hiểm chi trả và từ nguồn tài chính của doanh nghiệp.

Bước 6: Báo cáo và Kết thúc ứng phó

- Sau khi ngăn chặn được nguồn dầu tràn và làm sạch hiện trường thì chỉ huy hiện trường có nhiệm vụ báo cáo đến các bên có liên quan – khi đó hoạt động các phương tiện bơm xuất tại cửa hàng mới được phép tiếp tục hoạt động.

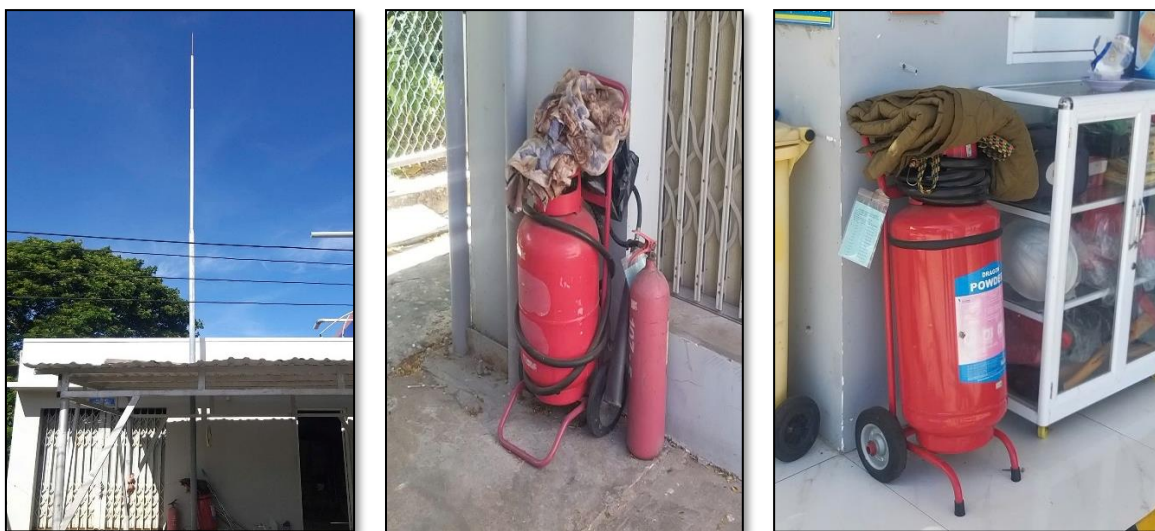
- Cửa hàng trưởng sẽ là người chịu trách nhiệm ra quyết định kết thúc các hoạt động ứng phó. Riêng trong trường hợp có sự trợ giúp của lực lượng chức năng thì người ra quyết định tạm dừng ứng phó sẽ do lực lượng chức năng quyết định. Có thể căn cứ vào tình hình cụ thể để quyết định việc tạm dừng hoặc kết thúc hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu tại một, nhiều khu vực hay toàn bộ chiến dịch ứng phó.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Tại mỗi khu vực tại cơ sở đều được trang bị hệ thống PCCC riêng đảm bảo bán kính phục vụ cho toàn khu vực cơ sở, bao gồm:

- + Bình chữa cháy MFTZ35: 04 bình.
- + Bình chữa cháy MFZ8: 04 bình.
- + Bình chữa cháy khí CO₂ MT3: 04 bình.
- + Mền chữa cháy Amiang: 01 cái.
- + Mền chữa cháy thường: 04 cái.
- + Xô, xẻng, thang các loại.

- Đường nội bộ trong cơ sở được thiết kế rộng, đảm bảo xe chữa cháy ra vào dễ dàng.
- Có kế hoạch định kỳ kiểm tra các phương tiện, thiết bị PCCC.
- Bên cạnh đó, để tránh hiện tượng quá tải điện, các biện pháp sau được áp dụng tại cơ sở:
 - + Chọn tiết diện dây dẫn phù hợp với dòng điện sử dụng.
 - + Những nơi cách điện bị dập, nhựa cách điện bị biến màu là những nơi dễ phát ra lửa khi dòng điện quá tải cần được thay dây mới.
 - + Khi sử dụng mạng điện và các máy móc thiết bị phải có những bộ phận bảo vệ như cầu chì, role,...
- Phòng cháy do chập mạch: để đề phòng chập mạch, các khu chức năng có áp dụng các biện pháp như sau:
 - + Khi mắc dây điện, chọn và sử dụng thiết bị điện phải theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn như dây điện trần phía ngoài nhà phải cách xa nhau 0,25m.
 - + Nếu dây dẫn tiếp xúc với kim loại mòn, vì vậy cấm dùng đinh, dây thép để buộc giữ dây điện.
 - + Các dây điện nối vào phích cắm, đui đèn,... phải chắc và gọn, điện nối vào mạch rẽ ở hai đầu dây nóng và nguội không được trùng lên nhau.
 - + Trang bị phương tiện chữa cháy, bình CO₂, cát, xẻng, sào cắt điện.
- Ngoài ra, Petrolimex – Cửa hàng 07 cũng đã lắp đặt 1 hệ thống chống sét. Hệ thống chống sét bao gồm kim thu sét, dây dẫn thoát sét và hệ thống tiếp địa, vật liệu chính là bằng đồng.



Hình 12. Một số thiết bị PCCC tại Petrolimex – Cửa hàng 07

3.6.3. Biện pháp chữa cháy thiết bị điện:

- Trước khi chữa cháy thiết bị điện phải ngắt nguồn điện rồi mới tiến hành cứu chữa. Nếu cháy nhỏ có thể dùng bình CO₂ để cứu chữa. Khi đám cháy đã phát triển lớn thì tùy tình hình cụ thể mà quyết định phương pháp cứu chữa thích hợp.

- Khi gặp điện, người chữa cháy phải được trang bị các dụng cụ bảo hộ như sào cách điện, bọc cách điện, ủng, găng tay và kéo cắt điện. Những dụng cụ này phải ghi rõ điện áp cho phép sử dụng.

3.6.4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố đối với chất thải nguy hại

Thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT về quản lý chất thải nguy hại. Cụ thể như sau:

- Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án được thu gom, dán nhãn, ghi mã số sau đó lưu trong các thùng chứa có nắp đậy, không để nước mưa chảy tràn cuốn theo CTNH;

- Thu gom toàn bộ lượng dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn,... Không để các CTNH cùng các rác thải thông thường.

- Hạn chế tối đa sửa chữa xe, máy móc, thiết bị tại khu vực dự án.

- Bố trí nhân viên thu gom, có phương án phòng ngừa CTNH khi có sự cố như cháy nổ, nước mưa chảy tràn.

- Thiết kế kho lưu trữ chất thải nguy hại: được thiết kế sao cho nguy cơ cháy hay đổ tràn là thấp nhất và phải bảo đảm tách riêng các chất không tương thích như đã quy định trong TCVN 2622:1995. Vật liệu xây dựng kho phải là vật liệu không dễ bắt lửa và khung nhà phải được gia cố chắc chắn bằng bê tông hay thép. Tốt hơn nên bọc cách nhiệt khung thép. Vật liệu cách nhiệt là vật liệu không bắt lửa chẳng hạn như len khoáng hay bông thủy tinh. Vật liệu thích hợp nhất vừa chống cháy vừa làm tăng độ bền và độ ổn định là bê tông, gạch đặc hay gạch bê tông. Ống dẫn hay dây điện bắt xuyên qua tường chống cháy phải được đặt trong các nắp chụp chậm bắt lửa.

3.6.5. Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

Để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động. Cơ sở áp dụng các biện pháp sau:

- Quy định các nội quy làm việc tại Cơ sở, nội quy về trang phục bảo hộ lao động, nội quy về tiêu độc, khử trùng, nội quy về an toàn điện, nội quy an toàn giao thông, nội quy an toàn cháy nổ....

- Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, xác định kịp thời nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.

- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân và tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

Cơ sở không có công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1 Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải: Cơ sở có 2 nguồn nước thải phát sinh là: nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn có dính xăng dầu, nhớt:

- *Nguồn số 01 là Nước thải sinh hoạt:* Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt của 06 cán bộ công nhân viên hoạt và khách vãng lai tại Cơ sở mỗi ngày là 0,6 m³/ngày.

- *Nguồn số 02 là Nước thải từ hoạt động kinh doanh:* Nước thải có dính xăng dầu, nhớt ước tính phát sinh 1,0 m³/ngày đêm.

- Tổng lưu lượng nước thải mỗi ngày của Cơ sở từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất ước tính tối đa khoảng 2 m³/ngày.

b. Dòng nước thải:

- *Dòng số 01:* Nước thải sinh hoạt của công nhân viên được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn sau đó tự thấm.

- *Dòng số 02:* Nước thải nhiễm dầu xăng dầu, nhớt cặn trong bể tách dầu được chủ cơ sở vớt thủ công và xử lý như CTNH, nước thải sau khi xử lý tại bể tách dầu sẽ cho tự thấm.

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 3 m³/ngày.

c. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo 02 dòng nước thải:

- *Đối với nước thải sinh hoạt xử lý tại bể tự hoại:*

+ Nước thải sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Các thông số xác định chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý bao gồm: pH; BOD₅ (20°C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms. Các chất ô nhiễm và giá trị các chất ô nhiễm trong dòng nước thải được trình bày chi tiết tại bảng sau:

Bảng 11. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt tại bể tự hoại

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B
01	pH	-	5 - 9
02	BOD ₅	mg/l	50
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
04	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/l	1000

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B
05	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4
06	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
07	Nitrat NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/l	50
08	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
09	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

- Đối với nước thải từ hoạt động kinh doanh xử lý tại bể tách dầu :

+ Nước thải sau xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 29:2010/BTNMT, cột B, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

+ Các thông số xác định chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý bao gồm: pH; COD; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Dầu mỡ khoáng. Các chất ô nhiễm và giá trị các chất ô nhiễm trong dòng nước thải được trình bày chi tiết tại bảng sau:

Bảng 12. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) Cơ sở không có dịch vụ rửa xe
01	pH	-	5,5 - 9
02	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	150
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
04	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

d. Vị trí, phương thức xả thải, nguồn tiếp nhận:

- Vị trí xả nước thải từ hoạt động sinh hoạt (Theo hệ tọa độ VN2000-BT, kinh tuyến trực 108°30', múi chiều 3°): X(m) = 1.242.106; Y(m) = 523.901.

- Vị trí xả nước thải từ hoạt động kinh doanh (Theo hệ tọa độ VN2000-BT, kinh tuyến trực 108°30', múi chiều 3°): X(m) = 1.242.068; Y(m) = 523.874.

- Phương thức xả thải: nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại và nước thải có lẫn dầu sau khi xử lý tại bể tách dầu sẽ cho tự thấm.

- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24h.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: tự thấm.

4.2 Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Cơ sở hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, bán lẻ xăng dầu, khí thải phát sinh chủ yếu từ các phương tiện ra vào cơ sở, máy phát điện dự phòng, nơi tập kết rác, tuy nhiên, lưu lượng khí thải phát sinh tại Cơ sở là không đáng kể; bên cạnh đó, cơ sở đã áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu các tác động của khí thải, do đó không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

4.3 Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 1: Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

- Vị trí, tọa độ (Theo hệ tọa độ VN2000-BT, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):
X = 1.242.101; Y = 523.879.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Bảng 13. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
1	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực máy phát điện dự phòng

Bảng 14. Giới hạn tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực máy phát điện dự phòng

- Phương thức xử lý tiếng ồn, độ rung:

+ Máy phát điện được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.

+ Thường xuyên kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng các máy móc luôn trong tình trạng hoạt động tốt, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị là 03 tháng/lần; tra dầu nhớt, bảo dưỡng hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho máy móc...

+ Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định.

+ Thường xuyên theo dõi, bảo trì kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ máy phát điện.

4.4. Nội dung cấp phép chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

- Khối lượng, chủng loại phát sinh CTNH được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 15. Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
1	Hộp mực in thải chứa các thành phần nguy hại	Rắn	5	08 02 04	Thu gom, phân loại lưu chứa và hợp đồng xử lý theo quy định	Hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển và xử lý
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	7	16 01 06		
3	Sơn, chất kết dính chứa các thành phần nguy hại thải	Rắn/lỏng	0,2	16 01 09		
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	11	17 02 03		
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	17	18 02 01		
6	Pin thải, ắc quy chì thải	Rắn	2,2	19 06 01		
Tổng số lượng			42,4			

- Phương thức lưu giữ và xử lý CTNH:

+Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa composite có nắp đậy, chứa có dung tích 120 lít, được dán nhãn, mã số chất thải nguy hại.

+ Khu vực lưu chứa: Kho lưu trữ chất thải nguy hại với diện tích khoảng 6 m² ($D \times R \times C = 3\text{ m} \times 2\text{ m} \times 4\text{ m}$)

+Biện pháp lưu giữ: Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở đem đi xử lý theo đúng quy định và duy trì với tần suất 2 lần/năm.

- Khối lượng, chủng loại CTRSH phát sinh được thể hiện qua bảng như sau:

Bảng 16. Khối lượng CTRSH phát sinh tại cơ sở:

TT	CTRSH	Khối lượng (kg/ngày)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH
1	Thức ăn thừa	2,5	BQL công trình công cộng huyện Tuy Phong.
2	- Chai nhựa, túi ni lông, chai nước uống. - Giấy	1,5	Cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương
3	Các loại bao bì bánh kẹo, giẻ lau, áo quần cũ, các vật dụng sinh hoạt hư cũ thải bỏ, vỏ trái cây, vỏ rau củ...	1,5	BQL công trình công cộng huyện Tuy Phong.
Tổng số lượng		5,0	

- **Phương thức lưu giữ và xử lý CTRSH:**

+Thiết bị lưu chứa: Cơ sở có bố trí thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 120lít trong khuôn viên cửa hàng.

+Biện pháp xử lý: Công ty sẽ tiếp tục hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương là BQL công trình công cộng Huyện Tuy Phong đến thu gom hàng ngày và xử lý đúng quy định.

4.5. Nội dung bảo vệ môi trường về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

- Đối với phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp về đảm bảo an ninh, an toàn PCCC theo phương án chữa cháy cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tại các vị trí dễ xảy ra cháy nổ đều được bố trí đầy đủ các trang thiết bị chữa cháy ban đầu. Thường xuyên nhắc nhở nhân viên và khách hàng chấp hành nghiêm túc nội quy PCCC.

+ Thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các trang thiết bị, máy móc.

+ Thường xuyên kiểm tra, rà soát các hệ thống điện, trụ bơm, hệ thống công nghệ nhằm khắc phục và sửa chữa kịp thời những thiết bị không đảm bảo chất lượng hoặc hư hỏng, đảm bảo sẵn sàng ứng cứu kịp thời các sự cố cháy, nổ ở ngay giai đoạn mới phát sinh.

- Đối với tác động do sự cố tràn dầu:

+ Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu theo nội dung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Quyết định số 3285/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 đã được phê duyệt.

+ Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó, tổ chức ứng phó và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường. Tổ chức quán triệt và diễn tập các tình huống ứng phó sự cố tràn dầu đã xây dựng của cơ sở.

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

Công ty đã hợp đồng với Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Bình Thuận – Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất thải để thực hiện quan trắc môi trường định kỳ. Kết quả phân tích nước thải tại công trình xử lý nước thải nhiễm dầu (hố ga cuối cùng) trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực năm 2022 được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 17. Kết quả chất lượng nước thải đầu ra

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) Cơ sở không có dịch vụ rửa xe
			24/10/2022	
1	pH	-	6,72	5,5 - 9
2	COD	mg/l	21,0	150
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	19,0	120
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	2,0	30

Nhận xét: Qua kết quả phân tích, nhận thấy nước thải sau khi xử lý của **Petrolimex – Cửa hàng 07** khi so với QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) thì các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải:

Công ty đã hợp đồng với Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Bình Thuận – Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất thải để thực hiện quan trắc môi trường định kỳ. Kết quả phân tích không khí xung quanh tại cơ sở năm 2022 được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 18. Kết quả chất lượng không khí xung quanh tại cơ sở

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT, trung bình 1 giờ
			24/10/2022	
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	0,16	300
2	SO ₂	µg/Nm ³	0,11	350
3	NO ₂	µg/Nm ³	0,09	200
4	CO	µg/Nm ³	5,6	30.000
5	Benzene	µg/Nm ³	KPH (LOD=3,0)	22
6	Xylene	µg/Nm ³	KPH (LOD=10)	1000

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT, trung bình 1 giờ
			24/10/2022	
7	Toluene	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	KPH (LOD=10)	500

Nhận xét: Qua kết quả phân tích, nhận thấy môi trường không khí xung quanh của **Petrolimex – Cửa hàng 07** khi so với QCVN 05:2023/BTNMT thì các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn.

Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật:

6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Căn cứ khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Petrolimex – Cửa hàng 07 không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với nước thải.

Căn cứ khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Petrolimex – Cửa hàng 07 không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải công nghiệp.

6.1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Căn cứ khoản 1 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Petrolimex – Cửa hàng 07 không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

Căn cứ khoản 1 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Petrolimex – Cửa hàng 07 không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải công nghiệp.

6.1.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:

❖ Đối với nước thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng hoạt động quan trắc định kỳ đối với nước thải.

❖ Đối với chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

Cơ sở thường xuyên theo dõi về khối lượng và chủng loại nguồn chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh; giám sát quá trình thu gom, vận chuyển và chuyển giao chất thải với đơn vị vận chuyển.

❖ Đối với các sự cố môi trường:

Cơ sở thường xuyên theo dõi, giám sát các công trình bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy; bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ nhằm phát hiện và xử lý sự cố kịp thời.

6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc hằng năm:

Do cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc tự động, liên tục chất thải theo hằng năm nên không có kinh phí thực hiện quan trắc môi trường.

Chương VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chấp hành tốt các biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Cơ sở trong 2 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo không có đoàn kiểm tra, thanh tra về công tác bảo vệ môi trường.

Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Petrolimex – Cửa hàng 07 của Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bình Thuận cam kết các nội dung, thông tin trong hồ sơ và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bình Thuận xin cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

- Về thu gom và xử lý nước thải:

Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh. Xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Cơ sở đạt QCVN 29 : 2010/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu và QCVN 14 : 2008/BTNMT cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Về thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Cơ sở cam kết thường xuyên thu gom rác đảm bảo vệ sinh môi trường, không làm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 01 tháng 01 năm 2022 của Bộ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Về thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Cam kết khắc phục, giảm thiểu sự cố:

+ Cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ, sự cố tai nạn lao động và các biện pháp giảm thiểu sự cố khác như đã đề ra.

+ Cam kết thu gom, phân loại và thuê đơn vị đủ chức năng để xử lý các loại CTRSH, chất thải rắn sản xuất và CTNH phát sinh, bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

+ Cam kết chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở. Cam kết định kỳ lập báo cáo về công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo đúng quy định./.

+ Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Giấy tờ pháp lý;

Phụ lục 2: Bản vẽ;

Phụ lục 3: Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

Phụ lục 4: Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở.